

Kinh tế Việt Nam

Hoàng Công Tuấn

Trưởng bộ phận kinh tế

Tuan.hoangcong@mbs.com.vn

Lê Minh Anh

Chuyên viên phân tích

Anh.LeMinh@mbs.com.vn

- So với tháng trước, CPI tháng 4/2023 giảm 0,34%. So với tháng 12/2022 CPI tháng Tư tăng 0,39% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,81%. Bình quân 4 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,84% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,9%.
- Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 210,79 tỷ USD (-13,6% n/n), trong đó xuất khẩu giảm 11,8%; nhập khẩu giảm 15,4%. Cán cân thương mại hàng hóa 4 tháng đầu năm 2023 ước tính xuất siêu 6,35 tỷ USD.
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2023 ước tính tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global trong tháng 4/2023 chỉ đạt 46,7 điểm, giảm so với mức 47,7 điểm trong tháng 3/2023.
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước trong bốn tháng đầu năm ước đạt 131,2 nghìn tỷ đồng, bằng 19% kế hoạch năm và tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 18,5% và tăng 10,8%). Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 5,85 tỷ USD, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước.
- Trong khi giá trị đồng USD với một số đồng tiền trong khu vực có xu hướng giảm nhẹ trong nửa đầu tháng 5 thì tỷ giá được dự báo sẽ giữ xu hướng đi ngang và ổn định trong ngắn hạn.

Hoạt động kinh tế

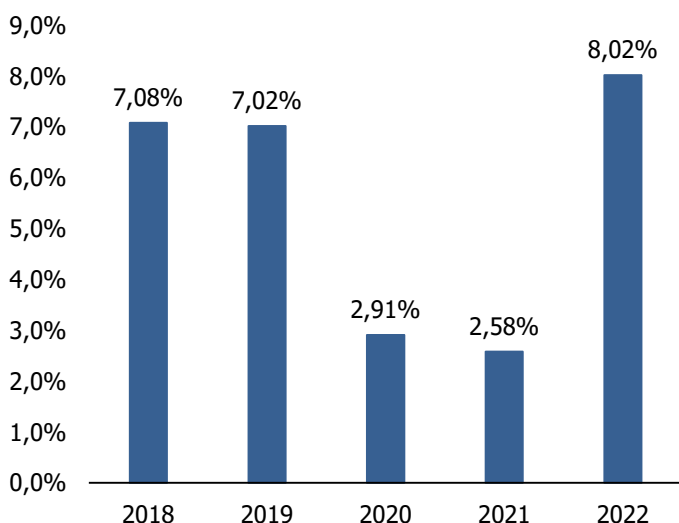
Lạm phát

So với tháng trước, CPI tháng 4/2023 giảm 0,34% (khu vực thành thị giảm 0,41%; khu vực nông thôn giảm 0,27%). So với tháng 12/2022 CPI tháng Tư tăng 0,39% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,81%. Bình quân 4 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,84% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,9%.

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 4/2023 tăng 2,81%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 9 nhóm tăng giá và 2 nhóm giảm giá. Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 4/2023 tăng 5,98% so với cùng kỳ năm trước do một số địa phương trong năm học 2022-2023 tăng học phí trở lại sau khi đã miễn, giảm học phí trong năm học 2021-2022 để chia sẻ khó khăn với người dân trong đại dịch. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,2% do giá vật liệu xây dựng và giá nhà ở thuê tăng. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,63% chủ yếu do chi phí vận chuyển tăng và nguồn cung thuốc lá giảm. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,62%, trong đó nhóm lương thực tăng 3,84%; thực phẩm tăng 2,89%; ăn uống ngoài gia đình tăng 5,35%. Bên cạnh đó, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 4/2023 tăng 3,33% so với cùng kỳ năm trước; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,99%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,31%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,29%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,62%.

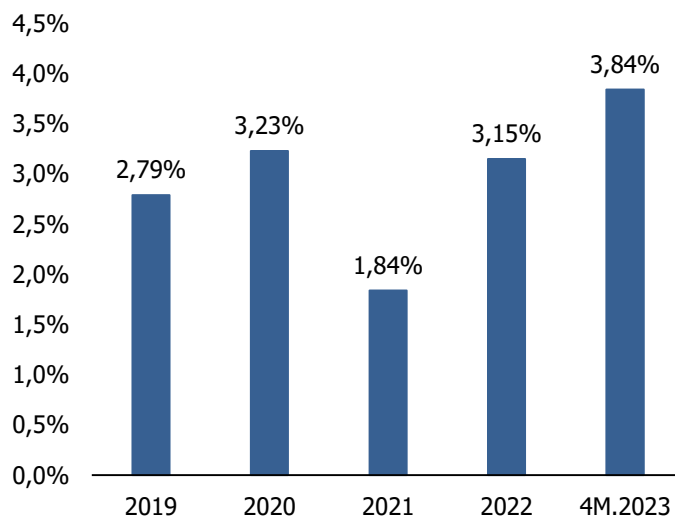
Ở chiều ngược lại, có 2 nhóm hàng giảm giá. Nhóm giao thông tháng 4/2023 giảm 3,94% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung giảm 0,38 điểm phần trăm, trong đó giá xăng dầu giảm 15,5% do từ tháng 5/2022 đến nay giá xăng A95 giảm 4.360 đồng/lít; xăng E5 giảm 4.450 đồng/lít và dầu diesel giảm 5.960 đồng/lít. Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,33% do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm.

Tăng trưởng GDP (n/n) của Việt Nam



Nguồn: TCTK.

Lạm phát bình quân 5 năm gần đây của Việt Nam



Nguồn: TCTK.

Hoạt động thương mại

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 4 ước đạt 53,57 tỷ USD, giảm 7,7% so với tháng trước và giảm 18,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 210,79 tỷ USD (-13,6% n/n), trong đó xuất khẩu giảm 11,8%; nhập khẩu giảm 15,4%. Cán cân thương mại hàng hóa 4 tháng đầu năm 2023 ước tính xuất siêu 6,35 tỷ USD.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 108,57 tỷ USD, giảm 11,8% so với cùng kỳ năm trước (+17,1% n/n). Về xuất khẩu các nhóm hàng, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong 4 tháng đầu năm 2023, ước đạt 9,68 tỷ USD (-4,8% n/n), chiếm 8,9% tổng kim ngạch xuất khẩu. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục giảm mạnh, ước đạt 91,16 tỷ USD (-14,1% n/n) do chịu ảnh hưởng từ sự suy giảm kinh tế toàn cầu, tổng cầu giảm sút, nhu cầu của các thị trường xuất khẩu lớn giảm mạnh. Kim ngạch xuất khẩu nhóm nhiên liệu khoáng sản tiếp tục giảm mạnh, ước đạt 1,25 tỷ USD (-17,8% n/n).

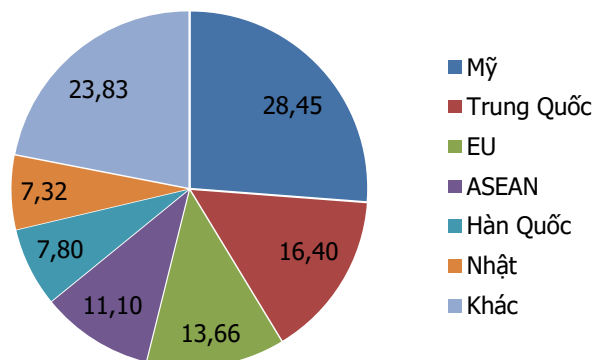
Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu của nước ta tới hầu hết các thị trường, đối tác thương mại lớn đều giảm. Trong đó, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 28,45 tỷ USD, chiếm 26% tổng kim ngạch xuất khẩu (-21% n/n); tiếp đến là Trung Quốc đạt 16,4 tỷ USD, giảm 7,9%; thị trường EU đạt 13,66 tỷ USD, giảm 14,1%; thị trường ASEAN đạt 11,1 tỷ USD, giảm 1,3%; Hàn Quốc đạt 7,8 tỷ USD, giảm 6,9%; Nhật Bản đạt 7,3 tỷ USD, giảm 0,9%.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 102,22 tỷ USD, giảm 15,4% so với cùng kỳ năm trước (+16,1% n/n). Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu: chiếm 86% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2023 là nhóm hàng cần nhập khẩu (nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước) với kim ngạch ước đạt 88 tỷ USD, (-18% n/n) do những khó khăn về đơn hàng xuất khẩu, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nên nhu cầu nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất để phục vụ sản xuất giảm. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu nhóm năng lượng và nhóm nông thủy sản tăng. Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng cần hạn chế nhập khẩu (-2,8% n/n), ước đạt 6,6 tỷ USD. Trong đó, tăng cao nhất là kim ngạch nhập khẩu ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ, tăng 51,7% và phế liệu sắt thép, tăng 27,7%.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa trong 4 tháng đầu năm 2023, do những khó khăn trong sản xuất và xuất khẩu nên kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ hầu hết các thị trường đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 33,2 tỷ USD (-13,4% n/n).

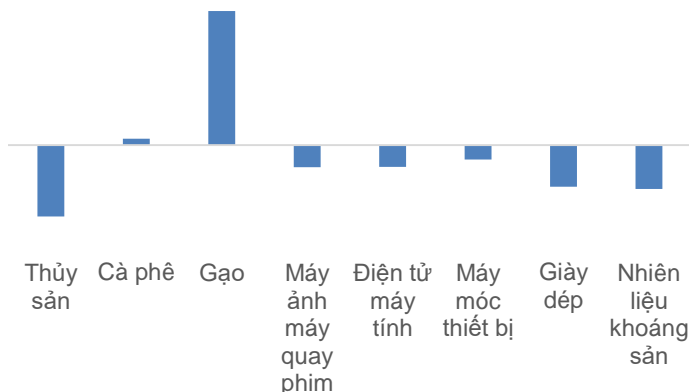
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tư ước đạt 510,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2.007,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,3% (cùng kỳ năm 2022 tăng 3,9%).

Thị trường xuất khẩu của Việt Nam 4T.2023 (tỷ USD)



Nguồn: Bộ Công Thương

Tăng trưởng mặt hàng XK chính của VN 4T.2023 (%o/n)



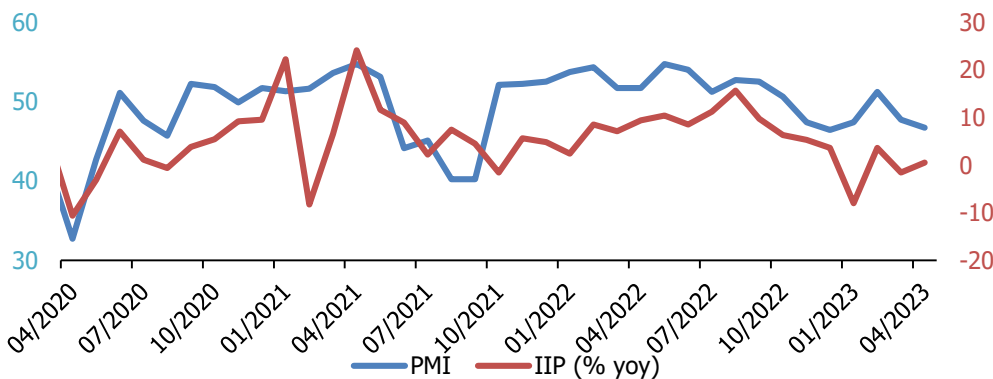
Nguồn: Bộ Công Thương

Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2023 ước tính tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, IIP ước tính giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 7,8%). Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 52 địa phương và giảm ở 11 địa phương trên cả nước.

Báo cáo mới nhất của S&P Global cho thấy Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất của Việt Nam trong tháng 4/2023 chỉ đạt 46,7 điểm, giảm so với mức 47,7 điểm trong tháng 3/2023. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam ở dưới ngưỡng 50 điểm, phản ánh hoạt động sản xuất chế tạo đang bị thu hẹp. Đáng chú ý, dữ liệu cho thấy các điều kiện kinh doanh giảm lần thứ 5 trong vòng 6 tháng trở lại đây và lần giảm này là mức giảm mạnh nhất kể từ đầu năm đến nay. Những khó khăn trong việc thu hút đơn đặt hàng mới thể hiện ở tình trạng cả tổng số lượng đơn đặt mới và số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới trong tháng 4/2023 tiếp tục giảm. Trong đó, tốc độ giảm của tổng số lượng đơn đặt hàng mới trong tháng 4/2023 đã nhanh hơn so với hồi tháng 3/2023; số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu giảm với tốc độ chậm hơn. Bên cạnh đó, tồn kho hàng thành phẩm trong tháng 4/2023 đã tăng lên với mức độ lớn nhất trong 2 năm trở lại đây.

Chỉ số PMI sản xuất và IIP (% so với cùng kỳ) của Việt Nam



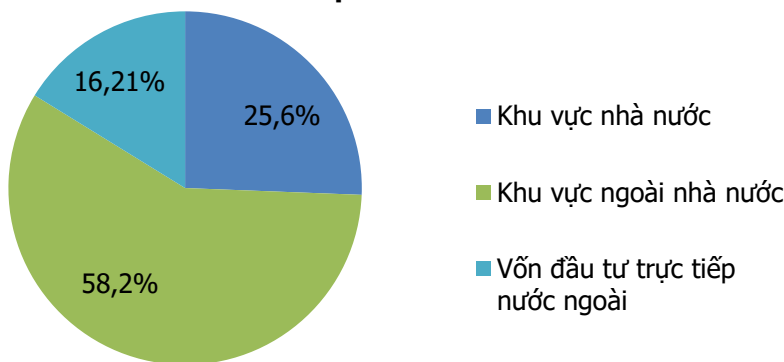
Nguồn: Bloomberg.

Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Tư ước đạt gần 39,3 nghìn tỷ đồng, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 131,2 nghìn tỷ đồng, bằng 19% kế hoạch năm và tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 18,5% và tăng 10,8%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/04/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 8,88 tỷ USD, giảm 17,9% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 5,85 tỷ USD, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư toàn xã hội 2022



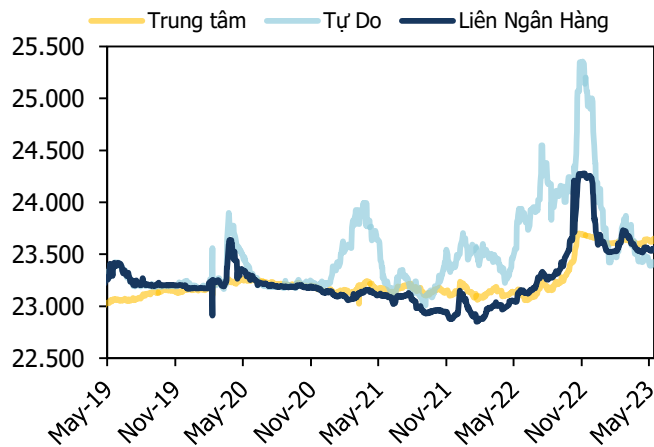
Nguồn: TCTK.

Tỷ giá

Trong khi giá trị đồng USD với một số đồng tiền trong khu vực có xu hướng giảm nhẹ trong nửa đầu tháng 5 thì tỷ giá được dự báo sẽ giữ xu hướng đi ngang trong ngắn hạn. So với cuối tháng 4, tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do giảm 50 đồng và hiện giao dịch ở mức 23.425 đồng/USD. Tỷ giá trung tâm và liên ngân hàng lần lượt giao dịch ở mức 23.652 đồng/USD, tăng 13 đồng và 23.556 đồng/USD, tăng 7 đồng.

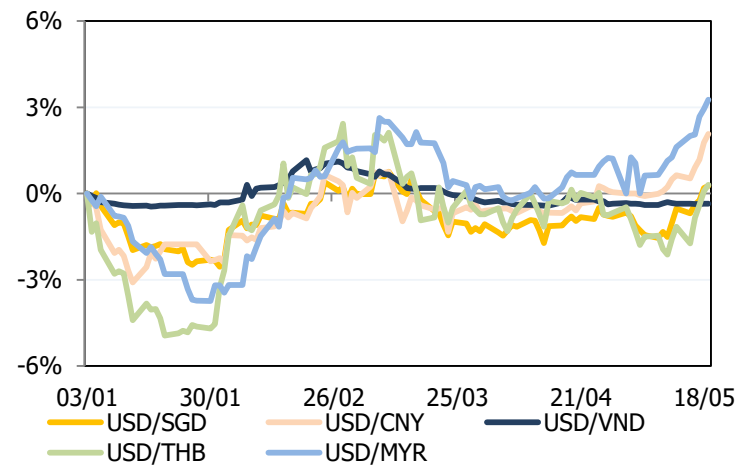
Chỉ số USD Index hiện đang ở mức 102,42. Tâm lý người tiêu dùng tháng 5 giảm xuống mức thấp do lo ngại về tranh chấp chính trị về việc tăng trần vay của chính phủ có thể gây ra suy thoái kinh tế. Các ngân hàng trung ương Mỹ hôm qua đã phát đi tín hiệu rằng họ thấy lãi suất vẫn ở mức cao và nếu có, sẽ tăng cao hơn do lạm phát tăng cao - một sự tương phản rõ rệt với quan điểm của thị trường rằng Fed sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất trước khi năm 2023 kết thúc.

Tỷ giá VND/USD



Nguồn: Bloomberg

Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD



Nguồn: Bloomberg

Các chỉ số kinh tế Việt Nam

Các chỉ tiêu kinh tế	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1. GDP, dân số và thu nhập							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	193,2	205,3	223,8	245,2	262,4	270,0	409
Tăng trưởng GDP (%)	6,69	6,94	7,47	7,36	2,87	2,56	8,02
Xuất khẩu hàng hóa (% yoy)	7,9	9,0	21,8	13,2	8,4	6,5	10,6
Nhập khẩu hàng hóa (% yoy)	12,0	5,6	21,9	11,1	6,8	3,6	8,4
Dân số (triệu người)	93,6	94,6	95,5	96,4	97,7	98,5	99,3
GDP/đầu người (USD)	2.086	2.172	2.353	2.551	2.740	2.750	4.110
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,33	2,33	2,2	2,2	2,2	2,9	2,32
2. Chỉ số tài khóa (%GDP)							
Nợ chính phủ	52,7	51,7	50	49,2	51,5	39,5	34,7
Nợ công	61,4	58,4	56,1	58,7	43,7	58,7	38
Nợ nước ngoài	44,8	48,9	46	45,8	47,0	47,1	36,8
3. Các chỉ số tài chính							
Tỷ giá USD/VND	22.740	22.690	23.180	23.228	23.115	23.145	23.612
Lạm phát (%)	2,7	3,5	3,5	2,8	3,23	1,94	3,15
Tăng trưởng tín dụng (%)	17,1	18,7	18,2	13,9	12,1	11	14,5
Lãi suất cho vay 12 tháng	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5	8	9,5
Cán cân thương mại (triệu USD)	-3.759	1.602	1.903	6.795	11.100	19.100	11.200
Hàng hóa: Xuất khẩu (triệu USD)	162.017	176.581	215.119	243.483	264.200	267.100	371.850
Hàng hóa: Nhập khẩu (triệu USD)	174.978	213.215	236.688	253.100	251.000	332.250	360.650
Tổng dự trữ ngoại hối (triệu USD)	36.906	49.497	54.491	79.000	100.000	110.000	89.000

Nguồn: MBS tổng hợp và dự phóng.

SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của nền kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, tỷ giá và các chính sách vĩ mô. Báo cáo này cũng dự báo những biến số ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

KHOI NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. Khối Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: + 84 24 7304 5688 - Fax: +84 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.